

Mật Tạng Bộ 1\_ No.894A (Tr.692 \_ Tr.697)

## TÔ TẮT ĐỊA YẾT LA CÚNG DƯỜNG PHÁP \_QUYỀN THƯỢNG\_

Hán dịch: Đại Đường Trung Ấn Độ Tam Tạng THIÊN VÔ ÚY (Śubha-kara-siṃha)

Việt dịch: Sa Môn THÍCH QUẢNG TRÍ

Sưu tập Thủ Ấn và phục hồi Phạn Chú: HUYỀN THANH

Quy mệnh chư **Như Lai** (Tathāgata)

Và **Pháp** (Dharma), **chúng Bồ Tát** (Bodhisatva-saṃgha)

Bộ **Liên Hoa** (Padma-kulāya), **Kim Cang** (Vajra-kulāya)

Cùng các hàng quyền thuộc

Nay Ta y **Giáo** (Śāstra, hay Āgama) nói

Pháp Trì Tụng Cúng Dường

Lược thông cả **ba Bộ** (Tri-kulāya)

Thứ tự với tương ứng

\_Trước xem nơi **Thần Thất**

Lại rõ Pháp việc ấy

Đối, nhận được **Chân Ngôn** (Mantra)

Với Pháp tác **tay Ấn** (Mudra)

Ở ngoài, chỗ ra vào

Pháp chia đất **Tây Tịnh**

Quét dọn nơi **Thần Thất**

Pháp trừ bỏ hoa héo

Tắm gội, tự **Quán Đảnh** (Abhiṣeka)

Pháp hiến ba vốc nước

Đến nơi cửa Thần Thất

Pháp thay áo, vẩy thân

Vào Thất liền lễ bái

Pháp bày biện món cúng

Sô châu (tràng hạt) và Thần Tuyền

Vòng cỏ tranh, các Pháp

Dâng hiến nước **Ú Già** (Argha)

Và Pháp để Tòa báu

Lại bày **Tam Ma Đa** (Samaya)

Trừ chướng nạn của thân

Tịnh Trì và tẩy dơ

Pháp thanh tịnh **quang trạch** (sáng bóng)

Hộ Thân với **kết Giới** (Sīmā-bandha)

Pháp trên, dưới, tám phương (tức 10 phương)

Đầu tiên tướng **Thần Tọa** (Devatāsana)

Pháp quán niệm Bốn Tôn

Tùy theo nơi chốn ở

Phụng thỉnh nơi Tôn pháp

Dùng Bốn Chơn Ngôn ấy

Khải thỉnh Bồn Tôn xong  
Liên xua đuôi các **Ma** (Mārā)  
Pháp dâng **Tòa** (Asana) khiến ngồi  
Lại bày **Tam Ma Da** (Samaya)  
Liên dâng nước **Ú Già** (Argha)  
Pháp tắm Tôn, dâng áo  
Tiếp hiến **Hương xoa** (Gandha), **hoa** (Puṣpa)  
**Hương đốt** (Dhūpa), đồ ăn uống  
Pháp đốt đèn cúng dường  
**Chơn Ngôn** (Mantra) và **tay ấn** (Mudra)  
Pháp vận Tâm **cúng dường** (Pūja)  
Nhóm ngợi khen, **sám** (Kṣama) **hối** (Āpatti-pratideśana)....  
Hộ Thân với thân mình  
Và hộ nơi chốn ấy  
Pháp liên **kết Đại Giới** (Mahā-sīmā-bandha)  
Sấm đũa **Phạ Nhật La** (Vajra: chày Kim Cang)  
Cùng sổ châu, các Pháp  
Đầy đủ Chân Ngôn phần  
\_Tiếp Pháp ngồi trì tụng  
Cầu thỉnh việc mong cầu  
Vớ hộ chỗ niệm tụng  
Pháp hồi thí **Công Đức** (Guṇa)  
Khởi rộng lớn, phát **Nguyện** (Praṇidhāna)  
Lại dâng nước Ú Già  
Pháp hương xoa, hương đốt...  
Lại y Tam Ma Da  
Hộ Thân với thân mình  
Giải Phương Giới đã kết  
Sau làm Pháp **Phát Khiển**  
**Hộ Ma** (Homa) các chi phần  
Tức **Lư** (lò), **Thần** với **đất**  
Thieu, cúng... đầy đủ Pháp  
Chuyển đọc **Kinh Phương Quảng** (Vaipulya-sutra)  
Vớ Pháp làm **Chế Để** (Caitye: Tháp miếu thờ)  
Tiếp làm **Từ Đẳng Quán**  
Suy nghĩ Pháp **sáu Niệm** (Saḍ-anusmṛtayah)  
Thứ tự nhóm như vậy  
Nay Ta lược nói xong

*Thấy chõ của Thần Thất* tức là vào **Mạn Đà La** (Maṇḍala) rải hoa rơi xuống vị nào thì quy y với Tôn ấy

*Biết rõ Pháp của việc ấy* tức là được **Tối Thắng Thọ Minh Quán Đảnh**, vâng theo chỗ ấn khả của **A Xà Lê** (Ācārya), khiến truyền Pháp **Quán Đảnh** cho đến khiến làm các Quán Đảnh khác

*Đổi diện thọ nhận Chơn Ngôn với Thủ Ấn* tức là người thọ pháp, tắm gội sạch sẽ, mặc áo quần mới sạch, ở chỗ thanh tịnh ấy, quỳ gối cung kính, đối trước A xà lê, thọ nhận Chơn Ngôn với tác Thủ Ấn. Thời A xà lê trước tiên tụng ba biến, chuyển trao cho kẻ ấy. Người ấy thọ nhận xong, tụng tụng ba biến, sinh vui vẻ sâu xa, đội trên đảnh

đầu (đánh đỏi) phụng trì (làm theo lời dạy). Đây là **đối thọ** (ở ngay nơi A Xà Lê được thọ nhận), tùy sức bày biện, dâng lên A Xà Lê, rộng giải Pháp xong, mới có thể lần lượt làm Pháp niệm tụng này.

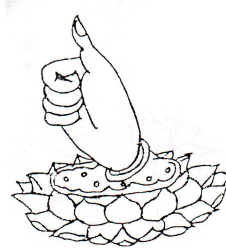
**Chỗ ra vào ở bên ngoài**, tức là lúc sáng sớm khi thức dậy, đi đến chỗ dơ uế (cầu tiêu) nên dùng **Bát Tịnh Phần Nộ Chân Ngôn** làm hộ thân

Chân Ngôn là:

**“Úm, cú rô tha nang, hồng nhạ”**

ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ

OM\_ KRODHANA HŪM JAḤ



\_ Tiếp theo, **Chia đất chà rửa cho sạch**: Ấy là dùng năm cục đất chà nơi hạ bộ, dùng ba cục đất chà nơi tiểu tiện, dùng ba cục đất chà tay trái, dùng bảy cục đất cùng chà hai bàn tay. Nếu sợ chưa được sạch thì dốc lòng mà chà rửa cho đến khi sạch thì thôi. Cục đất bên trên dùng **Xúc Chú** với **ấn** ấn với trì tụng bảy biến, sau đó mới dùng.

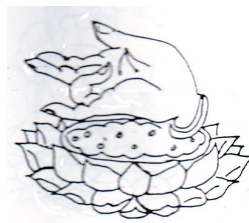
\_ Tiếp đến dùng Chân Ngôn mà rưới vẩy nơi thân. Chân Ngôn là:

**“Úm , thuật lỗ để, sa một-lật để, đà la ni, hồng, ha”** (tụng ba biến)

ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ

OM\_ ŚRŪTI SMṚTI DHARAṆI HŪM HAḤ

Tướng của Thủ Ấn ấy là: Tay phải duỗi thẳng năm ngón, hở rộng đầu ngón tay. Tiếp theo co lỏng giữa của ngón vô danh vào lòng bàn tay, đem ngón cái hơi tiếp chạm (góc ngón trỏ) hướng về phía trước.



Pháp **sái thủy** (rưới vẩy nước): ngồi xôm yên lặng, hai tay để giữa hai đầu gối, lấy ấn vốc nước, không cho có bọt nổi, yên lặng mà uống. Uống ba lần xong, sau đó lấy tay thấm nước, hai lần lau môi, khi ấy trong miệng nơi khoảng giữa răng, dùng lưỡi mà súc miệng mà nhỏ các thứ dơ uế, xong lại như lúc trước uống nước lau môi. Trở lại dùng Ấn này với tụng Chân Ngôn.

Ở trong Ấn ấy: ngón cái và ngón vô danh trước tiên trụ ở hai mắt, tiếp đến trụ trên miệng, hai lỗ tai, mũi với hai vai, rốn, tim, cổ họng, vàng trán... liền thành Hộ Thân, các Căn thanh tịnh.



Tướng của Thủ Ấn ấy: Tay phải nắm quyền, dựng thẳng ngón cái, ngón trỏ sao cho 2 ngón chạm nhau.



Trước tiên, làm **Tam Ma Da** (Samaya). Tức là phạm khi làm Pháp trước tiên làm Tam Ma Da, sau đó làm tất cả các việc của nhóm Hộ Thân. Giáo dạy như vậy.

Tiếp theo, nói Tam Ma Da Chân Ngôn với Thủ Ấn

.)Đầu tiên, **Phật Bộ Chân Ngôn** là:

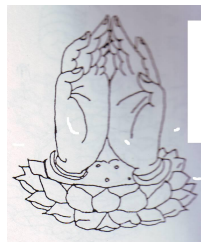
“**Úm, đát tha nghiệt đố (1) na-bà phạ dã (2) sa ha**” (tụng ba biến)

ॐ नमो भगवते वासुदेवाय

OM TATHĀGATA-UDBHAVĀYA SVĀHĀ

Đây là **Phật Bộ Tam Ma Gia Chân Ngôn**

Tướng của Thủ Ấn ấy: Ngửa hai bàn tay, hướng thẳng mười ngón tay về phía trước duỗi, cùng dựa bên cạnh nhau, hơi co lóng trên của hai ngón trỏ (Đây là Tam Ma Da Thủ Ấn)



.)Tiếp theo, nói **Liên Hoa Bộ Tam Ma Da Chân Ngôn** với Thủ Ấn.

Chân Ngôn là:

“**Úm, bát na-mô na bà-phạ dã, sa ha**” (Đây là Liên Hoa Bộ Tam Ma Da Chân Ngôn)

ॐ पद्मे नमो नमो नमो नमो नमो

OM PADMA-UDBHAVĀYA SVĀHĀ

**Sa ha** (SVĀHĀ) ấy đều đọc theo âm dấu sắc

Tướng của Thủ Ấn ấy: Trước tiên chắp hai tay lại, khoảng giữa hai bàn tay, hướng sáu ngón tay ra bên ngoài bung duỗi, không được dính nhau. Ngón cái và ngón út của hai ngón tay y như cũ dựa nhau, chắp hai tay bộng ở giữa như hoa sen nở, sáu ngón hơi co ở giữa. (Đây là Liên Hoa Bộ Tam Ma Da Ấn)



.)Tiếp theo, nói **Kim Cang Bộ Tam Ma Da Chân Ngôn** với **Thủ Ấn**.

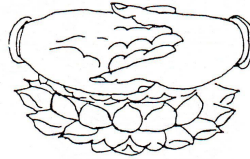
Chân Ngôn là:

**“Úm, phạ nhật-lộ na bà phạ dã, sa ha”** (Đây là Kim Cang Tam Ma Da Chân Ngôn)

ॐ वज्र उद्भवया स्वहा

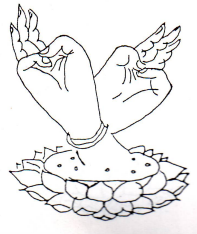
OM VAJRA-UDBHAVĀYA SVĀHĀ

Tướng của Thủ Ấn ấy: bên phải đè bên trái, hai tay ngược nhau cùng dính lưng, đem ngón cái phải cài ngón út trái, ngón cái trái dính với ngón út phải, khoảng giữa hai bàn tay sáu ngón hơi mở như chày ba chia (Đây là Kim Cang Tam Ma Da Ấn)



\_ **Kết Phước** (cột trối) **các nạn**: tức là dùng Quân Trà Lợi Thủ Ấn Chân Ngôn, để cột trối các nạn.

Tướng của Thủ Ấn ấy: tay trái để trên phần cuối của bắp tay phải, ngón cái vịn móng ngón út, giương ba ngón ở giữa như chày ba chia (tam cổ xử).



\_ Lại đem tay phải để trên phần cuối của bắp tay trái, cùng đem ngón cái vịn móng ngón út, giương ba ngón ở giữa như chày ba chia (tam cổ xử).

Đứng hướng về phương Đông, co đầu gối của chân trái, hướng về phía trước để ở bàn chân phải, giương rộng bàn chân phải **hai thước** (2/3 dm) đưa qua đưa lại, để ngang đập nơi đất, bặm môi phải bên dưới, trợn mắt nhìn qua phía trái, ngẫm tưởng thân mình như Quân Trà Lợi, tụng Căn Bản Chân Ngôn là:

**“Nang mô ra đất-nang đất-ra dạ dã. Nang mãng thất-chiến noa, phạ nhật-ra bá ninh duệ, mãng ha được khắt-sa tế nang bát đa duệ. Nang mô phạ nhật-ra cú rô đà dã, năng sắt tra-lộ đắc-yết tra bà da, bội la phạ dã**

**Đất điệt tha: Úm, am một-lật đa quân noa lệ, khur khur khur khur, khước hề khước hề, nghiệt la nha, vĩ sa-phô tra dã, vĩ sa-phô tra dã, tát ra-phạ vĩ cận nang,**

vi nang diệp ca-kiếm, ma ha ngôn ninh, bát đề nhĩ vĩ, đán đa ca la dã, hồng phán-  
tra” (tụng bảy biến)

ॐ नमो रत्नत्रयै  
ॐ नमो शिवाय वज्रचर्मय मलयकर्मणय  
ॐ नमो वज्रकण्ठय वज्रकण्ठय वज्रकण्ठय वज्रकण्ठय वज्रकण्ठय वज्रकण्ठय वज्रकण्ठय  
ॐ नमो रत्नत्रयै  
ॐ नमो रत्नत्रयै ॐ नमो रत्नत्रयै ॐ नमो रत्नत्रयै ॐ नमो रत्नत्रयै ॐ नमो रत्नत्रयै ॐ नमो रत्नत्रयै ॐ नमो रत्नत्रयै  
ॐ नमो रत्नत्रयै ॐ नमो रत्नत्रयै ॐ नमो रत्नत्रयै ॐ नमो रत्नत्रयै ॐ नमो रत्नत्रयै ॐ नमो रत्नत्रयै ॐ नमो रत्नत्रयै  
ॐ नमो रत्नत्रयै ॐ नमो रत्नत्रयै ॐ नमो रत्नत्रयै ॐ नमो रत्नत्रयै ॐ नमो रत्नत्रयै ॐ नमो रत्नत्रयै ॐ नमो रत्नत्रयै

NAMO RATNA-TRAYĀYA  
NAMAḤ ŚCAṆḌA-VAJRA-PĀṆIYE MAHĀ-YAKṢA-SENAPATĀYE  
NAMO VAJRA-KRODHĀYA DAMṢṬROTĀKATA-BHAYA BHAIKAVAYA  
ASI MUSARA PARASŪ PĀŚA HASTĀYA

TADYATHĀ: OM AMṚTA-KUNḌALI KHAKHA KHAKHA, KHAHI  
KHAHI TIṢṬA TIṢṬA, BANDHA BANDHA, HANA HANA, GARJA GARJA,  
VISPHOTĀYA VISPHOTĀYA SARVA VIGHNAM VINĀYAKAM, MAHĀ-  
GAṆA-PATI JIVITA-ANTAKARĀYA HŪM PHAT

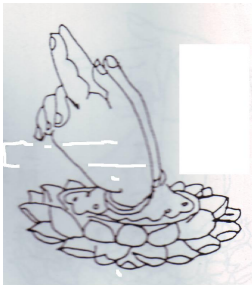
Đây là **Hệ Phước Chư Nạn Chân Ngôn**  
Cuối **Chân Ngôn** có câu **Mãn đà mãn đà** (BANDHA BANDHA) tức hai tay ấy:  
nắm ba ngón tay lại làm quyền, chỗ vịn ngón út y như cũ không động đây thì các nạn  
kia liền bị cột trói.

Pháp **Táo Dục** (tám gộ): Trước tiên dùng **Chân Ngôn, Thủ Ấn**, lấy đất làm ba  
cục để chà sạch thân.

Chân Ngôn là:  
“**Úm, ninh khur nang, phạ tô đề, sa ha**” (Tụng năm biến. Đây là Tịnh Thổ Chân  
Ngôn)

ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ  
OM\_NIKHANA VASUDHE SVĀHĀ

Tướng của Thủ Ấn ấy: hai tay cài chéo nhau, ngón tay vịn lưng bàn tay, dựng  
thẳng hai ngón trở dính với nhau, kèm dựng thẳng hai ngón cái, để bên cạnh ngón trở



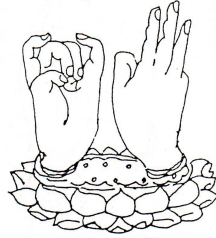
(Dùng Thủ Ấn này che chỗ đất đã lấy, tụng Chân Ngôn năm biến, sau đó lấy)

**Tịch Trừ**. Phàm tất cả việc đã làm, trước tiên nên Tịch Trừ, sau đó mới làm tất  
cả các việc, Giáo nói như vậy.

**Tịch Trừ Chân Ngôn** là:  
“**Nang mô phạ nhật-la dã, hồng, hạ nang, độn nang, man tha, vĩ đá băng sa  
du sai la dã, hồng phán tra**” (Tụng bảy biến. Đây là Tịch Trừ Chân Ngôn)

नम वज्रय हूं हन धुन मथ विध्वंसय उदरसय हूं हूं  
 NAMO VAJRĀYA HŪM, HANA DHUNA MATHA VIDHVAMŚAYA  
 UDSARĀYA HŪM PHAT

Tượng của Thủ Ấn ấy. Tay trái: co ngón cái vào trong lòng bàn tay, đem ngón giữa, ngón vô danh đè ngón cái, co ngón trỏ, chạm bên cạnh lóng giữa của ngón giữa, cũng co ngón út chạm bên cạnh lóng giữa của ngón vô danh, liền duỗi thẳng cánh tay, để trên đầu chuyển theo bên phải ba vòng và ấn năm chỗ trên thân. Tay phải: ngón cái đè móng ngón út, dựng thẳng ba ngón còn lại làm hình Phạ Nhật La (chày Kim Cương) xoa bên cạnh hông, Pháp đứng như lúc trước (Đây là Tịch Trừ Ấn)



\_ Lại Tịch Trừ Chân Ngôn Với Thủ Ấn.

Chân Ngôn là:

“Úm, phạ nhật-la, đa ra, hồng, phẩn tra” (Đây là Tịch Trừ Chân Ngôn)

ॐ वज्र तारा हूं हूं

OM VAJRA-TĀRA HŪM PHAT

Tượng của Thủ Ấn ấy. Dùng tay phải chỉ (?vỗ) vào lòng bàn tay trái, như vậy ba lần (Đây là Tịch Trừ Thủ Ấn)



\_ Lại Tịch Trừ Chân Ngôn Với Thủ Ấn.

Chân Ngôn là:

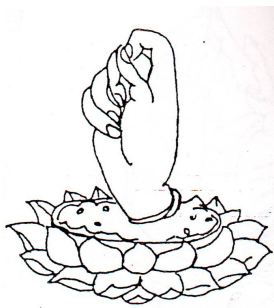
“Úm, chỉ lệ chỉ la, la phạ, lão nại-ra, hồng phẩn tra” (Đây là Tịch Trừ Chân Ngôn)

ॐ किलिका राव राव हूं हूं

OM KĪLIKĪLA RAVA RAUDRA HŪM PHAT

Tượng của Thủ Ấn ấy. Hai tay đều búng ngón tay ra tiếng ba lần. (Đây là Tịch Trừ Ấn)





\_Pháp **Hộ Thân**. Dùng Chân Ngôn này với Thủ Ấn, dùng kết Thập Phương Giới cùng với Hộ Thân.

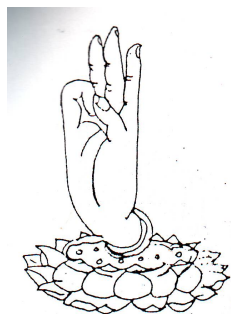
Chân Ngôn là:

“**Úm, thương-tăng ca lệ, tam mãn diệm, sa ha**” (Đây là Hộ Thân Kết Giới Chân Ngôn)

ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ

OM \_ ŚAMKARE SAMAYE SVĀHĀ

Tướng của Thủ Ấn ấy. Tay phải: đem ngón cái vịn trên móng ngón út, hơi mở ba ngón còn lại, dựng thẳng, gọi là **Phạ Nhật-La Ấn**, dùng kết Giới phương trên, phương dưới với tám phương, cùng dùng Hộ Thân (Đây là Kết Giới Hộ Thân Đẳng Ấn)



\_Tiếp theo, dùng Chân Ngôn, Thủ Ấn đem ấn thân của mình với dùng nước, đất, vật của nhóm Táo Đậu...liền tẩy tẩy rửa dơ bẩn làm cho thanh tịnh.

Chân Ngôn là:

“**Úm, chỉ lệ chỉ lệ , phạ nhật-la, hồng, phẩn tra** (Tụng bảy biến. Đây là Tả Cầu Chân Ngôn)

ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ

**Úm, chỉ lệ chỉ lệ , phạ nhật ra, hồng, phẩn tra**

OM \_ KILI KILI VAJRA HŪM PHAT

Tướng của Thủ Ấn ấy. Tay phải: đem ngón cái vịn trên móng ngón út, dựng thẳng ba ngón còn lại, hơi mở, xoa nơi eo lưng, hướng ba ngón tay về phía trước. Tay trái cũng làm Ấn này. Đem Ấn chạm vào các vật, liền thành rửa dơ bẩn với làm cho thanh tịnh (Đây là Tả Cầu Ấn)



\_Tiếp theo, dùng Quân Trà Lợi Chân Ngôn với Thủ Ấn, dùng làm làm thanh tịnh.  
“**Úm, ám một-lật đế, hồng phán tra**” (Tụng bảy biến. Đây là Thanh Tịnh Chân Ngôn)

ॐ 𑖀𑖩𑖫𑖮 𑖔𑖨𑖫𑖮

OM\_ AMṚTE HŪM PHAT

Tướng của Thủ Ấn này. Tay phải làm quyền, lấy nước, tụng bảy biến, dùng rưới vảy các vật với bàn tay, trên đánh, liền thành thanh tịnh. (Đây là Thanh Tịnh Ấn)



\_Tiếp theo dùng Chân Ngôn với Thủ Ấn, dùng làm Quang Trạch (sáng bóng)  
Chân Ngôn là:  
“**Úm, chỉ lị chỉ lị, phạ nhật-la, hồng phán tra**” (Tụng bảy biến. Đây là Quang Trạch Chân Ngôn)

ॐ 𑖀𑖩𑖫𑖮 𑖔𑖨𑖫𑖮

OM\_ KILI KILI VAJRA HŪM PHAT

Tướng của Thủ Ấn này. Tay trái đem ngón cái vịn trên móng ngón út, hơi mở ba ngón còn lại, dựng thẳng, duỗi bắp tay. Trở lại, dùng tay phải làm Ấn này để dưới khuỷu tay trái. Đem Thủ Ấn bên phải, ấn các vật tiếp chạm với thân của mình, tức thành quang trạch (Đây là Quang Trạch Ấn)



\_Tiếp theo dùng Chân Ngôn với Thủ Ấn, dùng khuấy nước ấy.  
Chân Ngôn là:  
“**Úm, hồng, hạ năng, phạ nhật-la, phạ nhật lê ninh, ha**” (không hạn biến số, chỉ tụng nhiều. Đây là Giáo Thủy Chân Ngôn)

ॐ 𑖀𑖩𑖫𑖮 𑖔𑖨𑖫𑖮

OM\_ HŪM HANA VAJRA VAJRINI HĀ

Tướng của Thủ Ấn ấy. Hai tay hướng ra bên ngoài cái chéo nhau, dựng thẳng hai ngón cái hợp đầu ngón, co hai ngón trỏ, đầu hơi co cùng dính móng ngón. (Đây là Giáo Thủy Ấn)



Tiếp theo dùng Chân Ngôn với Thủ Ấn, lấy đất xoa bôi thân.

Chân Ngôn là:

“Úm, bộ la, nhạ phạ ra, hồng”

ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ

OM\_ BHŪR JVARA HŪM

Tướng của Thủ Ấn ấy. Lấy đất hoà với nước, cùng mở hai tay, dùng tay phải xoa bôi khắp thân (Đây là **Độ Đồ Thân Ấn**: Ấn lấy đất xoa bôi thân)



Tiếp theo dùng Quân Trà Lợi Chân Ngôn Thủ Ấn.

Trì Tụng Thủy Chân Ngôn là:

“Úm, a một-lật đế, hồng, phẩn tra (Tụng bảy biến. Đây là Trì Tụng Thủy Chân Ngôn)

ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ

OM\_ AMṚTE HŪM PHAT

Tướng của Thủ Ấn ấy. Trước tiên, duỗi tay phải ngang bằng, đem ngón cái đè trên móng của *ngón giữa, ngón vô danh*, hơi co *ngón trỏ, ngón út*, trì tụng Chân Ngôn, dùng Ấn khuấy nước tắm gội. (Đây là Trì Tụng Thủy Ấn)



Tiếp theo dùng Chân Ngôn với Thủ Ấn, khiến trừ nạn Tỳ Na Dạ Ca trong thân.

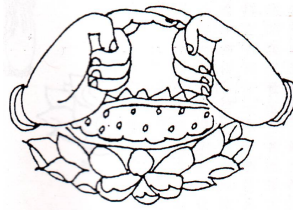
Chân Ngôn là:

“**Úm, ám mật lật-đế, hạ nang hạ nang, hồng, phẩn tra**” (Đây là Khiển Trừ Thân Trung Tỳ Na Dạ Ca Chân Ngôn)

ॐ ऋमृग ह्रं ह्रं ह्रं ह्रं

OM\_AMRTE, HANA HANA, HŪM PHAT

Tướng của Thủ Ấn ấy. Hai tay co ngón cái vào trong lòng bàn tay, nắm quyền, duỗi hai ngón trỏ, bên phải bên trái cái chéo nhau, nhập vào trong Hồ Khẩu. Đưa Ấn từ đầu đánh hướng xuống dưới, đến bàn chân rồi lược bỏ đi. (Đây là Khiển Trừ Thân Trung Tỳ Na Dạ Ca Ấn)



\_Tiếp theo dùng Quân Trà Lợi Chân Ngôn với Thủ Ấn, hộ năm chỗ trên thân Chân Ngôn là:

“**Úm, phạ nhật-la kỳ-ninh, bát-ra nễ bát-đa dã, sa ha**” (Tụng năm biến. Đây là Hộ Thân Chân Ngôn)

ॐ वज्रअग्निप्रदीप्य स्वहा

OM\_VAJRA-AGNI PRADIPTĀYA SVĀHĀ

Tướng của Thủ Ấn ấy. Đem hai ngón út cái chéo nhau nhập vào trong lòng bàn tay, ngón vô danh đè trên hai ngón út, hai ngón giữa dính đầu ngón, hơi co hai ngón trỏ để bên cạnh lóng trên của hai ngón giữa cách nhau khoảng một hạt lúa, dựng thẳng hai ngón cái ngay bên cạnh ngón giữa, ấn chạm năm chỗ, ấn thành hộ thân (Đây là Hộ Thân Ấn)



\_Tiếp theo dùng Chân Ngôn với Thủ Ấn, trì tụng vào mỗi một phần đất.

Chân Ngôn là:

“**Úm, độ tỷ độ tỷ, ca dã độ tỷ, bát-ra chi phạ lý ninh, sa ha**” (Tụng ba biến. Đây là Trì Tụng Thổ Chân Ngôn: Chân Ngôn trì vào đất)

ॐ धूपे धूपे कयधूपे प्रज्वालि स्वहा

OM\_DHŪPE DHŪPE, KĀYA-DHŪPE PRAJVALIṆI SVĀHĀ

Tướng của Thủ Ấn ấy. Hai tay đem ngón trỏ, ngón út dính đầu ngón. Co hai ngón giữa, hai ngón vô danh vào trong lòng bàn tay cùng dính lưng ngón tay, đem hai ngón cái đều vịn đầu của hai ngón giữa và hai ngón vô danh.



TADYATHĀ: OM\_ AMṚTA-KUṆḌALI, KHAKHA KHAKHA \_ KHANA KHANA KHANA KHANA\_ KHADA KHADA KHADA KHADA \_ KHAHI KHAHI KHAHI KHAHI\_ TIṢṬA TIṢṬA \_ HANA HANA \_ DAHA DAHA \_ PACA PACA \_ GRHṆA GRHṆA \_ BANDHA BANDHA \_ GARJA GARJA \_ TRAJA TRAJA \_ VISPHOTĀYA VISPHOTĀYA \_ BHAGAVAM AMṚTA-KUṆḌALI MŪRDHA ANTANUYA VAJRĀṆĀM \_ SARVA VIGHNAYA VINĀYĀKA NIVARAYA \_ MAHĀ-GAṆA-PATI JIVITA ANTAKĀRAYA \_ HŪM HŪM \_ PHAṬ PHAṬ\_ KRODHA-AGNĀYE SVĀHĀ

Ā\_ **Quán Đảnh Chân Ngôn** ấy. Dùng Chân Ngôn này với Thủ Ấn để tụng Quán Đảnh.

Chân Ngôn là:

**“Úm, hạ hoắc, khư lị lị, hồng, phẩn tra”** (Tụng ba biến. Đây là Quán Đảnh Chân Ngôn)

ॐ ङ् ह्रोक् क्लृ ल्लि ह्रं फण् त्र

OM\_ HAḤ KHAKALI HŪM PHAṬ

Tướng của Thủ Ấn ấy. Hai ngón út cài chéo nhau nhập vào lòng bàn tay, hai ngón vô danh cùng đê trên hai ngón út nhập vào lòng bàn tay, dựng thẳng hai ngón giữa cùng dính đầu ngón, hai ngón trở đê lóng trên của hai ngón giữa, khiến lóng giữa của ngón trở co lại, hai ngón cái phụ dính bên cạnh hai ngón trở. Dùng Ấn lấy nước, trì tụng Chân Ngôn ba biến rồi tụng rưới lên đảnh (Đây là Quán Đảnh ấn)

\_ Tiếp theo, dùng Chân Ngôn với Thủ Ấn rồi tụng kết tóc.

Chân Ngôn là:

**“Úm, tô tát địa, yết lị, sa ha”** (Tụng ba biến. Đây là Kết Phát Chân Ngôn, dùng chung cho ba Bộ)

ॐ सुसिद्धि करि स्वहा

OM\_ SUSIDDHI-KARI SVĀHĀ

Tướng của Thủ Ấn ấy. Tay phải nắm Quyển, duỗi thẳng ngón cái, co ngón trở đê trên đầu ngón cái khiến ngón trở co tròn. Tác Ấn này, trì tụng Chân Ngôn ba biến, đê ở trên đảnh, liền thành kết tóc (Đây là Kết Phát Ấn)



.)Lại **Phật Bộ Kết Phát Chân Ngôn** là:

**“Úm, thi kỳ thi khế, sa ha”** (Tụng ba biến)

ॐ श्रीरव श्रीरव सुह

OM\_ ŚIKHI ŚIKHI SVĀHĀ

.)Lại **Liên Hoa Bộ Kết Phát Chân Ngôn** là:

**“Úm, thi khế, sa ha”** (Tụng ba biến)

ॐ श्रीरव सुह

OM\_ ŚIKHI SVĀHĀ

.)**Kim Cang Bộ Kết Phát Chân Ngôn** là:

“**Úm, thi khu tả, sa ha**” (Tụng ba biến)

ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ

OM\_ŚIKHASYA SVĀHĀ

Phạm khi tắm gội, không nên ở trong nước bùn, hoặc nước có gai, hoặc nước có thuyền chạy từ xa, hoặc ngòi hẹp ít nước, nước chảy gấp cuốn xoáy, nước đục có nhiều loài trùng, nước lớn, mương nhỏ, nước chảy xiết, nước nhiều trùng, nước tưới rót vào ruộng, với nước trong hầm hố.....Nước như vậy đều không nên tắm gội

Lại chẳng nên đại tiểu tiện ở trong nước với bên cạnh nước. Chẳng được chạy nhảy, đi vội vã, đùa giỡn boi lội ...ở trong nước.

Đứng ngay trong nước, không được nhìn chỗ kín, cũng không nghĩ đến chỗ kín của đàn bà, cùng eo lưng với các phần khác.... Cần phải vắng lặng yên lặng mà tắm gội, chỉ để trừ bỏ dơ uế, cấu bẩn, đừng vì nghiêm thân, tưởng hiến ba bụm nước

Tắm gội xong rồi, hướng mặt về phương có Bồn Tôn ngự, quán niệm Bồn Tôn, trì tụng Chân Ngôn với làm Thủ Ấn. Dùng Ấn bụm nước để dâng hiến, tưởng tắm Bồn Tôn với dâng Át Già

Hoặc ở trong nước có ba loại nghiệm: Nước đến trong đầu gội là **Hạ Nghiệm**, nước đến bên rón là **Trung Nghiệm**, nước đến cổ là **Thượng Nghiệm**. Ở trong ba loại nước này, tùy ý niệm tụng, rồi mới đến Đạo Tràng.

.)**Phật Bộ Hiên Thủy Chân Ngôn** là:

“**Úm, để ra lệ phật đà, sa ha**” (Tụng ba biến. Đây là Phật Bộ Phụng Tam Cúc Thủy Chân Ngôn)

ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ

OM\_TERALE BUDDHA SVĀHĀ

.) **Lại Liên Hoa Bộ Hiên Thủy Chân Ngôn** là:

“**Úm, tị rị tị rị, hồng phẩn tra**” (Tụng ba biến. Đây là Liên Hoa Bộ Phụng Tam Cúc Thủy Chân Ngôn)

ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ

OM\_BHIRI BHIRI HŪM PHAT

.) **Lại Kim Cang Bộ Hiên Thủy Chân Ngôn** là:

“**Úm, vi thấp-phạ, phạ nhật-lệ, sa ha**” (Tụng ba biến. Đây là Kim Cang Bộ Phụng Tam Cúc Thủy Chân Ngôn)

ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ

OM\_VISVA-VAJRE SVĀHĀ

Tướng của Thủ Ấn thông cho ba Bộ. Ngửa ngang bằng hai tay dựa bên cạnh nhau, đấm hai ngón trở vịn đầu hai ngón cái, hơi co sáu ngón tay, dùng ấn lên bụm nước, trì tụng Chân Ngôn ba lần, dâng tắm Bồn Tôn (Đây là Thủ Ấn dâng ba bụm nước thông cả ba Bộ)

Đi đến chỗ Thần Thất, nghĩa là khi hướng đến Đạo Tràng thời đừng khởi giận dữ cùng với tham dục, chuyên niệm Bồn Tôn mà đi đến. Ở bên trong, chẳng được bước qua khí tượng với các cỏ thuốc, nghĩa là các loại vật khí, vật cỗi, chuông mõ với các Ấn. Hoa héo ầy, thuốc là tất cả cây cỏ... đều chẳng nên bước qua. Chế Đễ (Tháp thờ),

Tôn Tượng, ảnh của các Tỳ kheo ... đều chẳng nên bước qua. Cũng đừng cỡi voi, ngựa, lạc đà, bò, dê với tất cả các xe cộ.... Tượng vẽ, Ấn... đều chẳng nên dẫm đạp lên, hoặc thân, bàn tay chạm đến. Nếu phạm các điều này sẽ bị đọa Tam Ma Da, cũng chẳng nên khỏi **tham, sân, si, mạn, trạo cử** (Auddhatya: tác dụng tinh thần của Tâm phù động chẳng yên), **kiêu căng**. Nên mang guốc đi đến Thần Thất. Khi gặp Chế Để, Tôn dung, sư trưởng cùng với Thần Miếu thì nên cởi guốc ra, liền đến cung kính rồi mới đi đến Đạo Tràng.

\_Tiếp theo, thay đổi áo, rưới vẩy thân. Nghĩa là bên ngoài cửa của Đạo Tràng rửa tay chân sáu lần, dùng **Hộ Tịnh Chân Ngôn Thủ Ấn** đã nói lúc trước, uống nước lau môi như lúc trước. Lại uống nước, sái tịnh (rưới vẩy cho sạch) lần nữa, tức y theo Hành Dụng. Đây là chung cho cả ba Bộ.

.) Lại **Phật Bộ Âm Thuỷ Sái Tịnh Chân Ngôn** là:

“**Úm, ma ha nhập-phạ la, hồng**” (Đây là Phật Bộ Sái Tịnh Thuỷ Chân Ngôn)

ॐ मन्त्रं ज्वला हूं

OM\_ MAHĀ-JVALA HŪM

.) Lại **Liên Hoa Bộ Âm Thuỷ Sái Tịnh Chân Ngôn** là:

“**Úm, đồ đồ la, cu rô cu rô, sa ha**” (Đây là Liên Hoa Bộ Sái Tịnh Chân Ngôn)

ॐ तुतुल कुरु कुरु स्वहा

OM\_ TUTULA KURU KURU SVĀHĀ

.) Lại **Kim Cang Bộ Âm Thuỷ Sái Tịnh Chân Ngôn** là:

“**Úm, nhập-phạ li đa, phạ nhật-li ni, hồng**” (Đây là Kim Cang Bộ Sái Tịnh Chân Ngôn)

ॐ ज्वलिता वज्रिणी हूं

OM\_ JVALITA VAJRINI HŪM

Lại nói **Phật Bộ Âm Thuỷ Sái Tịnh Thủ Ấn**. Ngửa duỗi bàn tay phải, co ngón vô danh hướng vào bên trong, đừng chạm lòng bàn tay (Đây là Phật Bộ Sái Tịnh Thuỷ Ấn)

Lại nói **Liên Hoa Bộ Âm Thuỷ Sái Tịnh Thủ Ấn**. Ngửa duỗi bàn tay phải, co ngón vô danh hướng vào bên trong, đừng chạm lòng bàn tay

Mở bung ngón trỏ, ngón út (Đây là Kim Cang Bộ Sái Tịnh Thuỷ Ấn)

\_Tiếp theo dùng Chân Ngôn Thủ Ấn rưới vẩy cho sạch cái áo đã được trao cho ở bên ngoài cửa.

Chân Ngôn là:

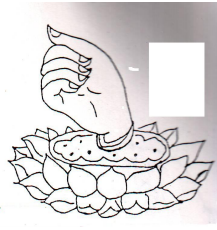
“**Úm, vi măng la, sa ha**” (Đây là Sái Tịnh Hoán Y Chân Ngôn)

ॐ विमल स्वहा

OM\_ VIMALA SVĀHĀ

Tượng của Thủ Ấn ấy. Tay phải nắm thành quyền, lấy nước trì tụng, dùng rưới vẩy áo cho sạch. (Đây là Sái Tịnh Hoá Y Thủ Ấn)





\_Tiếp theo dùng Chân Ngôn trì tụng vào cái áo ấy rồi mặc vào.

Chân Ngôn là:

**“Úm, bát rị phạ-ra đa, phạ nhật-rị ni, hồng”** (Đây là **Trước Y Chân Ngôn**, không có Thủ Ấn)

ॐ पुरारि षराम ह्र

OM \_PARIVARTTA VAJRINI HŪM

\_Vào Thất liên lễ, như Giáo đã nói, Hành Giả nhất Tâm nên vào Thần Thất

Đã vào Thất xong, hướng mặt về Tôn, chấp tay khom thân, đầu chẳm chạm đất.

Trước tiên, ở bên trong Thất, nên để bức tranh vẽ dung mạo của Tôn, hoặc **Ché Đa** (Caitya: Linh Miếu, cái tháp), hoặc chỉ để toà ngòì...khi vào liên lễ xong, rồi cúng dường. Bày biện vật cúng dường là: năm loại của nhóm hương xoa bôi, Nguru Tịnh, Thần Tuyền (sợi dây Thần), nhẫn cỏ, toà ngòì của mình với vật khí At Già, Kim Cang, hạt cải trắng, nhóm sợi dây cột eo lưng...Đây gọi là vật cúng, trước tiên nên chuẩn bị sẵn.

Khi vào Thất thời miệng tụng Chân Ngôn, rồi vào.

**“Úm, nhập-phạ li-đa, lộ giả nê, hồng, phẩn tra”** (Tụng bảy biến. Đây là **Nhập Thất Chân Ngôn** thông cho cả ba Bộ)

ॐ ह्रिग षरग ह्र ह्र

OM \_JVALITA LOCANA HŪM PHAT

\_Tiếp theo, nên làm **Tam Ma Da Chân Ngôn** với Ấn

.)Đầu tiên, **Phật Bộ Chân Ngôn** là:

**“Úm, dát tha nghiệt đồ (1) na-bà phạ dã (2) sa ha”** (Tụng năm biến. Đây là Phật Bộ Tam Ma Da Chân Ngôn)

ॐ गथागतद्वय सह

OM \_TATHĀGATA-UDBHAVĀYA SVĀHĀ

Tướng của Thủ Ấn ấy: Ngửa hai bàn tay, hướng thẳng mười ngón tay về phía trước duỗi, cùng dựa dính bên cạnh nhau, hơi co lỏng trên của hai ngón trỏ (Đây là Phật Bộ Tam Ma Da Thủ Ấn)



.)Tiếp theo, nói **Liên Hoa Bộ Tam Ma Da Chân Ngôn** với Thủ Ấn.

Chân Ngôn là:

“**Úm, bát na-mô na bà-phạ dã, sa ha**” (Tụng năm biến. Đây là Liên Hoa Bộ Tam Ma Da Chân Ngôn)

ॐ पद्म उद्भवया स्वहा

OM\_ PADMA-UDBHAVĀYA SVĀHĀ

Tướng của Thủ Ấn ấy: Trước tiên chấp hai tay lại, khoảng giữa hai bàn tay, hướng sáu ngón tay ra bên ngoài bung duỗi, không được dính nhau. Ngón cái và ngón út của hai ngón tay y như cũ dựa dính nhau, khiến lòng bàn tay bọng ở giữa như hoa sen nở, sáu ngón hơi co ở khoảng giữa. (Đây là Liên Hoa Bộ Tam Ma Da Ấn)



.)Tiếp theo, nói **Kim Cang Bộ Tam Ma Da Chân Ngôn** với **Thủ Ấn**.

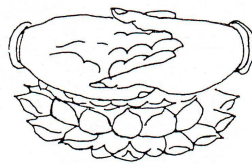
Chân Ngôn là:

“**Úm, phạ nhật-lộ na bà phạ dã, sa ha**” (Tụng năm biến. Đây là Kim Cang Bộ Tam Ma Da Chân Ngôn)

ॐ वज्र उद्भवया स्वहा

OM\_ VAJRA-UDBHAVĀYA SVĀHĀ

Tướng của Thủ Ấn ấy: bên phải đè bên trái, hai tay ngược nhau cùng dính lưng, đem ngón cái phải cài chéo với ngón út trái, ngón cái trái cài chéo với ngón út phải, khoảng giữa hai bàn tay sáu ngón hơi mở như chày ba chia (Đây là Kim Cang Bộ Tam Ma Da Ấn)



Ba Ấn này gọi là Đại Ấn, chư Phật Bồ Tát còn chẳng thể trái nghịch, huống chi là các loài Ma...đều hợp với **Tự Bộ** y theo thứ tự dùng. Pháp phụng hành chẳng phải là chỉ thuận theo Giáo, cũng diệt các tội, dùng trừ các nạn. Pháp đã mong cầu đều được thuận theo Nguyên.

\_Tiếp theo dùng Chân Ngôn với Thủ Ấn, khiến trừ nạn Tỳ Na Dạ Ca trong thân.

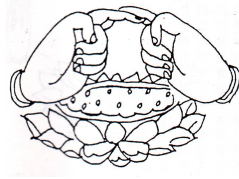
Chân Ngôn là:

“**Úm, ám mật lật-đế, hạ nang hạ nang, hồng, phẩn tra**” (Đây là Khiển Trừ Thân Trung Tỳ Na Dạ Ca Chân Ngôn)

ॐ अमृते हाना हाना हूं हूं

OM\_ AMRTE, HANA HANA, HŪM PHAT

Tướng của Thủ Ấn ấy. Hai tay co ngón cái vào trong lòng bàn tay, nắm quyền, duỗi hai ngón trỏ, bên phải bên trái cái chéo nhau, nhập vào trong Hổ Khẩu. Đưa Ấn từ đầu đánh hướng xuống dưới, đến bàn chân rồi lược bỏ đi. (Đây là Khiển Trừ Thân Trung Tỳ Na Dạ Ca Ấn)



Tiếp theo nên dùng Chân Ngôn với Thủ Ấn

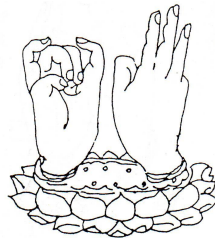
**Tịch Trừ Chân Ngôn** là:

“**Nang mô phạ nhật-la dã, hồng, hạ nang, độn nang, măng tha, vĩ đặc-vông sa du sai la dã, hồng phẩn tra**” (Tụng bảy biến. Đây là Tịch Trừ Chân Ngôn)

ॐ वज्रय हूं हन धुना मथा विध्वंसया उदसारया हूं फट्

NAMO VAJRĀYA HŪM, HANA DHUNA MATHA VIDHVAMSAYA UDSARĀYA HŪM PHAT

Tướng của Thủ Ấn ấy. Tay trái: co ngón cái vào trong lòng bàn tay, đem ngón giữa, ngón vô danh đè ngón cái, co ngón trỏ, chạm bên cạnh lóng giữa của ngón giữa, cũng co ngón út chạm bên cạnh lóng giữa của ngón vô danh, liền duỗi thẳng cánh tay, để trên đầu chuyển theo bên phải ba lần với ấn chạm năm chỗ trên thân. Tay phải: ngón cái đè móng ngón út, dựng thẳng ba ngón còn lại làm hình Phạ Nhật-La (chày Kim Cương) xoa bên cạnh hông, Pháp đứng như lúc trước (Đây là Tịch Trừ Ấn)



Lại Tịch Trừ Chân Ngôn Với Thủ Ấn.

Chân Ngôn là:

“**Úm, phạ nhật-la, đa ra, hồng, phẩn tra**” (Tụng ba biến. Đây là Tịch Trừ Chân Ngôn)

ॐ वज्र तारा हूं फट्

OM VAJRA-TĀRA HŪM PHAT

Tướng của Thủ Ấn ấy. Dùng tay phải vỗ vào lòng bàn tay trái, như vậy ba lần (Đây là Tịch Trừ Thủ Ấn)





“Úm, a lộ lực ca” (Đây là Liên Hoa Bộ Tâm Chân Ngôn)

ॐ ऋत्लि  
OM\_ AROLIK

.) Kim Cang Bộ Tâm Chân Ngôn là:

“Úm, phạ nhật-ra, đặc lực ca” (Kim Cang Bộ Tâm Chân Ngôn)

ॐ वज्र ध्रु  
OM\_ VAJRA-DHRK

\_\_Tiếp theo làm **Quang Trạch**, trì Chân Ngôn với làm Thủ Ấn. Dùng ấn các vật, liền thành sáng bóng (quang trạch)

.)Bắt đầu, **Phật Bộ Quang Trạch Chân Ngôn** là:

“Úm, đế thệ đế nhạ, tỷ vĩ ninh, tỷ đề, sa đà dã, hồng, phẩn tra” (Tụng ba biến. Đây là Phật Bộ Quang Trạch Chân Ngôn)

ॐ गरु गरु मरु मरु मरु ॐ रु  
OM\_ TEJE TEJA, SIVINI SIDDHE SĀDHAYA HŪM PHAT

.) Liên Hoa Bộ Quang Trạch Chân Ngôn là:

“Úm, nê tỷ-dã nê tỷ-dã, nê bả dã, ma ha thất-ri duệ, sa ha” (Tụng ba biến. Đây là Liên Hoa Bộ Quang Trạch Chân Ngôn)

ॐ दीप दीप दीप्य मन्त्रिय श्रु  
OM\_ DĪPYA DĪPYA DIPAYA MAHĀ-'SRĪYE SVĀHĀ

.)Kim Cang Bộ Quang Trạch Chân Ngôn là:

“Úm, nhập-phạ ra, nhập-phạ ra dã, mãn độ li, sa ha” (Tụng ba biến. Đây là Kim Cang Bộ Quang Trạch Chân Ngôn)

ॐ ज्वल ज्वलय बंधुरी श्रु  
OM\_ JVALA JVALAYA BANDHURI SVĀHĀ

Tướng của Thủ Ấn ấy. Tay trái đem ngón cái vịn trên móng ngón út, hơi mở ba ngón còn lại, dựng thẳng, duỗi bắp tay. Trờ lại, dùng tay phải cũng làm Ấn này nâng bên dưới khuỷu tay trái. Đem Ấn ấn chạm các vật, liền thành quang trạch (Đây là Quang Trạch Thủ Ấn thông cả ba Bộ)



TÔ TÁT ĐỊA YẾT LA CÚNG DƯỜNG PHÁP  
\_QUYÊN THƯỢNG (Hét)\_

**Đan Tạng** nói rằng: **Tô Tắt Địa Yết La Kinh**, tên đã chẳng đồng, văn cũng khác nhiều, mà chỉ có một người dịch. Nay xem lại Kinh của Đan Tạng thì trong **Tổng Tạng** đầu cuối đều không có Pháp **cúng dường**. Đan Tạng cũng đối với tinh thần có

được trong cái rương, cố gắng tìm xem hai bản ghi chép của **Khai Nguyên, Trinh Nguyên** thì **Thiện Vô Úy** dịch chỉ có *ba Kinh một Pháp*, nhưng cũng không có Pháp cúng dường này. Nay mục lục tuy không có, nhưng xem rõ nghĩa của văn ấy thì không phải là do người đời sau hư giả biên tập, cho nên y theo Đan Tạng đưa vào cho đủ, cũng là tốt vậy.